

LỜI CẢM ƠN

Trên thực tế, không ai có thể tự mình đi đến thành công mà không có sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác, dù ít hay nhiều, dù lớn hay nhỏ, dù trực tiếp hay gián tiếp. Tiểu luận này sẽ không thể hoàn thành nếu em không nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của quý Thầy Cô, gia đình và bạn bè trong suốt thời gian từ khi bắt đầu học tập tại khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao đến nay.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới PGS.TS Kiều Thị Thu Hương - Phó khoa Tiếng Anh Học viện Ngoại giao, người trực tiếp phụ trách và giảng dạy em bộ môn Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ khoa học ứng dụng. Sự tận tâm trong những bài giảng trên lớp cùng với những nhận xét, góp ý của cô dành cho những bài thuyết trình của chúng em đã cung cấp cho em rất nhiều kiến thức bổ ích để áp dụng trong việc xây dựng tiểu luận. Đối với những sai lầm dù là nhỏ nhất, cô đều kiên trì giúp em chỉ ra và sửa chữa, nhờ đó em có thêm nhiều kinh nghiệm quý báu để trình bày bài viết của mình một cách hoàn chỉnh và chuyên nghiệp nhất. Nếu không có những lời hướng dẫn, góp ý đó, tiểu luận này của em sẽ không thể hoàn thiện.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo đến từ khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao, những người đã từng dạy em các bộ môn thuộc chuyên ngành tiếng Anh trong 7 học kỳ vừa qua, cũng như các thầy cô phụ trách các bộ môn đại cương khác. Vốn kiến thức và kinh nghiệm em học được từ các thầy, cô giáo trong suốt thời gian học tập tại trường đóng một vai trò quan trọng trong việc hoàn thành tiểu luận này.

Em cũng xin cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của các bạn học đến từ 2 lớp TA39A & TA39B, khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao, những người đã tích cực trợ giúp em thu thập dữ liệu, hoàn thành bảng hỏi để xây dựng tiểu luận.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến những người thân trong gia đình và những người bạn thân thiết đã luôn ở bên cạnh và là nguồn động viên tích cực giúp em hoàn thành tiểu luận này.

TÓM TẮT

Ngày nay, trong bối cảnh tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập tăng cường trên toàn thế giới, vai trò của người biên dịch trong QHQT ngày càng được nâng cao. Người biên dịch có vai trò dịch những văn bản ngoại giao và chính trị quan trọng, tác động trực tiếp đến hình ảnh của đất nước trong mắt bạn bè quốc tế.

Tuy nhiên cũng chính vì vậy mà yêu cầu dành cho nghề này ngày càng cao. Chỉ biết ngoại ngữ không có nghĩa là có thể trở thành một dịch giả giỏi. Phải thông thạo và sử dụng nhuần nhuyễn từ ngữ và ngữ pháp ở cả tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ, kiến thức về ngoại giao và QHQT cũng như nắm được sự khác biệt giữa hai nền văn hóa mới có thể truyền đạt nội dung từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích một cách trọn vẹn.

Nhận thấy sự quan trọng của biên dịch trong QHQT, khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao đã chính thức đưa vào giảng dạy bộ môn Biên dịch cho các sinh viên là Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên, các sinh viên theo học bộ môn này đều gặp phải những vấn đề nhất định liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Anh - Việt. Nhận thấy ảnh hưởng không tốt của chúng đến kết quả học tập của các sinh viên này, người viết đã tiến hành một nghiên cứu nhỏ nhằm xác định một số vấn đề thường thấy trong quá trình biên dịch giữa tiếng Anh, tiếng Việt trong ngữ cảnh QHQT. Mục đích của bài nghiên cứu là tìm ra và lý giải những khó khăn này, đồng thời đưa ra một số phương pháp giúp các sinh viên có thể học tốt môn Biên dịch, có những kinh nghiệm của riêng mình trong quá trình làm việc sau này. Người nghiên cứu đã giới hạn đối tượng nghiên cứu của mình trong phạm vi các sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B, khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao.

Đây chỉ là một đề xuất nghiên cứu khoa học, chưa được áp dụng cụ thể trong thực tế, người viết chỉ xin đưa ra các bước thực hiện nghiên cứu và đồng thời dự đoán về kết quả của bài nghiên cứu. Do thời gian thực hiện có hạn nên trong quá trình tiến hành không tránh khỏi có những sai sót, người nghiên cứu kính mong nhận được sự thông cảm từ quý Thầy Cô và các bạn.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
TÓM TẮT	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC VIẾT TẮT	iv
CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU	1
1.1 Vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn đề tài.....	1
1.1.1. Vấn đề nghiên cứu	1
1.1.2. Lí do lựa chọn đề tài.....	2
1.2 Câu hỏi nghiên cứu	3
1.3. Mục đích của nghiên cứu	3
1.4. Ý nghĩa của nghiên cứu.....	3
1.5. Phạm vi của nghiên cứu	4
1.6. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu.....	4
1.7. Bố cục của nghiên cứu	4
CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT	6
2.1 Giới thiệu chung	6
2.2. Khái niệm biên dịch	7
2.3. Các kỹ thuật dịch cơ bản	7
2.3.1. Dịch tên riêng	7
2.3.2. Chọn từ dịch sát với văn phong và ngữ cảnh của NND	8
2.3.3. Yếu tố mang đặc thù quốc gia/đặc trưng văn hóa	8
2.3.4. Lặp lại từ	8

2.3.5. Dịch từ viết tắt.....	9
2.3.6. Dịch tiêu đề	9
2.3.7. Dịch cấu trúc phủ định	9
2.4. Các kiểu biên dịch	10
2.4.1. Dịch theo ngữ nghĩa	10
2.4.2. Dịch truyền đạt thông tin	10
2.4.3. Dịch thành ngữ	11
2.5. Các bước cơ bản để dịch một câu, đoạn văn bản	11
CHƯƠNG 3: TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU	13
3.1. Giới thiệu chung.....	13
3.2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu	13
3.3. Phương tiện thu thập dữ liệu	13
3.3.1. Bảng điều tra	13
3.3.2. Bài tập dịch	13
3.3. Quá trình thu thập dữ liệu	14
3.4. Quá trình phân tích dữ liệu.....	14
CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN	15
4.1. Kết quả nghiên cứu	15
4.1.1. Từ chuyên ngành QHQT.....	15
4.1.2. Sự khác nhau trong cấu trúc ngôn ngữ.....	16
4.1.3. Câu quá dài.....	17
4.1.4. Yếu tố văn hóa	17
4.2. Bàn luận	19
CHƯƠNG 5: KHUYẾN NGHỊ	21

5.1. Tích cực trong học tập.....	21
5.2. Tăng cường tiếp xúc với ngôn ngữ chuyên ngành QHQT	21
5.3. Xây dựng bí quyết học từ chuyên ngành	22
CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO	24
PHỤ LỤC	26

DANH MỤC VIẾT TẮT

QHQT: Quan hệ quốc tế

TACS: Tiếng Anh cơ sở

TACN: Tiếng Anh chuyên ngành

NNN: Ngôn ngữ nguồn

NNĐ: Ngôn ngữ đích

VD: Ví dụ

CHƯƠNG 1 : GIỚI THIỆU

1.1. Vấn đề nghiên cứu và lí do lựa chọn đề tài

1.1.1. Vấn đề nghiên cứu

Năm 2006, Google đã cho ra mắt công cụ dịch thuật tự động Google Translate (Google dịch) và ngày nay đã có 90 ngôn ngữ khác nhau được sử dụng trong hệ thống. Cách sử dụng công cụ này rất đơn giản: Người dùng chỉ việc chọn ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, viết hoặc copy từ, câu hoặc đoạn văn cần dịch ở ngôn ngữ nguồn vào ô trống cho sẵn là sẽ có ngay kết quả ở ngôn ngữ đích trong vài giây. Tuy nhiên, công cụ này lại không thể thay thế được vai trò của người làm biên dịch, bởi bản chất nó chỉ là một hệ thống dịch máy móc chứ không thể hiểu hết hoàn toàn ý nghĩa của câu, nhất là khi trong câu, đoạn văn sử dụng những yếu tố văn hóa hoặc từ ngữ với nhiều tầng nghĩa. Vì vậy mà nhiều khi công cụ này cho ra những kết quả dịch rất buồn cười, VD từ “gà ác” vốn để chỉ một loại gà nhưng lại bị công cụ này dịch sang tiếng Anh thành “evil chicken” vì nó không hiểu từ “ác” ở đây không mang nghĩa là ác độc. Chỉ có các biên dịch viên đã trải qua quá trình đào tạo bài bản về ngôn ngữ và kỹ năng dịch mới có thể nhìn ra điều đó. Biên dịch là công việc đòi hỏi tư duy logic về ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo, nhuần nhuyễn, do vậy nó không bao giờ “chết” được và không thể bị thay thế bởi công nghệ.

Trong ngành quan hệ quốc tế (QHQT) nói riêng, biên dịch đóng một vai trò hết sức quan trọng. Người biên dịch có nhiệm vụ dịch các tài liệu quan trọng liên quan đến đối ngoại Việt Nam, quan hệ giữa Việt Nam và các nước. Cụ thể, đó là những văn kiện ngoại giao, thư từ giữa các nguyên thủ quốc gia, các văn bản liên quan đến chính sách đối ngoại của Việt Nam và các nước. Chính vì vậy có thể nói, người biên dịch mang trong mình trọng trách quốc gia, góp phần vào việc xây dựng và củng cố ngành đối ngoại Việt Nam.

Trong 3 học kỳ, từ học kỳ thứ 5 đến hết học kỳ thứ 7, sinh viên Cử nhân tiếng Anh hệ chuẩn của Học viện Ngoại giao được học môn Biên dịch với 3 cấp độ I, II và III, với độ khó tăng dần sau mỗi học kỳ. Đây là môn học có ý nghĩa rất lớn, bởi Học viện Ngoại giao gần như là cơ sở duy nhất tại Việt Nam đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp về biên, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành QHQT. Biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh đã trở thành môn học cốt yếu cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức chắc chắn về sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt trong QHQT cũng như kỹ năng dịch thuật sao cho phù hợp với từng ngữ cảnh.

Tuy nhiên, trong quá trình học, do những nguyên nhân khác nhau mà sinh viên đã gặp phải không ít vấn đề dẫn đến kết quả học tập không cao, nhất là những sinh viên mới làm quen với bộ môn này. Những vấn đề trên phần nhiều liên quan đến sự khác biệt trong ngôn ngữ và văn hóa Anh – Việt. Nhận thức được những khó khăn này cũng như tìm ra giải pháp đúng đắn để giải quyết góp phần quan trọng giúp sinh viên học tốt hơn bộ môn này, từ đó trang bị cho bản thân vốn kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất về biên dịch trong QHQT.

1.1.2. Lý do chọn đề tài

Như chúng ta đã biết, điểm bộ môn Biên dịch I, II và III của nhiều sinh viên Cử nhân tiếng Anh, Học viện ngoại giao không cao, nhất là môn Biên dịch I. Nguyên nhân của việc này đến từ nhiều lý do. Đối với Biên dịch I – môn đầu tiên trong hệ thống 3 môn Biên dịch, có thể dễ dàng nhận thấy lý do ở đây là môn học mới, nhiều sinh viên chưa thể thích nghi được ngay nên kết quả học tập không cao. Tuy nhiên vẫn còn nhiều nguyên nhân khác. Việc học không tốt môn Biên dịch có thể do bản thân sinh viên chưa tích cực học và trau dồi kiến thức bộ môn hoặc học không tốt các môn là tiền đề hoặc song song với môn Biên dịch như Tiếng Việt thực hành, Tiếng Anh chuyên ngành QHQT...dẫn đến việc kiến thức về tiếng Anh và tiếng Việt không chắc chắn, từ đó không thể học tốt Biên dịch. Tiếng Việt và tiếng Anh vốn là 2 ngôn ngữ đến từ phương Đông và phương Tây, có sự khác nhau rõ rệt trong cấu trúc ngữ pháp, từ vựng & phản ánh trong chúng hai nền văn hóa khác biệt, nếu không được trang bị kiến thức nền tảng tốt cũng như không chịu khó tìm hiểu, kết quả sẽ không cao. Thêm vào đó, những cấu trúc câu phức tạp cùng các từ chuyên ngành cũng là chướng ngại lớn với sinh viên, bởi phải làm việc với một thứ ngôn ngữ xa lạ với ngôn ngữ giao tiếp thường ngày khiến nhiều sinh viên gặp khó khăn.

Chính vì vậy, trong bài tiểu luận này, người nghiên cứu muốn đi sâu vào phân tích một số vấn đề chính trong việc học môn Biên dịch của sinh viên cử nhân tiếng Anh: vấn đề từ chuyên ngành, sự khác biệt ngôn ngữ, cấu trúc câu và yếu tố văn hóa trong ngữ cảnh QHQT. Đồng thời, người nghiên cứu cũng gợi ý một số giải pháp với hy vọng giúp những sinh viên học môn này có thể phần nào giải quyết những khó khăn mà sự khác biệt trên gây ra, từ đó cải thiện kết quả học tập của mình.

1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Bài tiểu luận này trước hết tập trung vào những kiến thức chung về môn học Biên dịch chuyên ngành QHQT, sau đó nêu lên những khó khăn trong thực tiễn mà các bạn sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B gặp phải sau 3 học kỳ học môn này (nghiên cứu được tiến hành vào thời điểm nhóm sinh viên này vừa hoàn thành bộ môn Biên dịch III). Do đó, người viết đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu như sau:

1/ Sinh viên lớp TA39A và TA39B gặp phải những vấn đề gì trong quá trình học Biên dịch? Có thể phân loại những vấn đề đó như thế nào?

2/ Nguyên nhân nào dẫn đến những khó khăn đó?

3/ Giải pháp nào giúp sinh viên ngành Cử nhân tiếng Anh khắc phục vấn đề này?

1.3. Mục đích của nghiên cứu

Bài tiểu luận này có ba mục đích chính như sau:

Thứ nhất, nêu lên những kiến thức cơ bản về Biên dịch chuyên ngành QHQT.

Thứ hai, chỉ ra những khó khăn thường gặp của sinh viên khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao mà cụ thể là sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B trong việc học môn Biên dịch cũng như phân loại chúng và giải thích những lý do dẫn tới những khó khăn này.

Thứ ba, đề xuất một số phương án giúp sinh viên khắc phục những vấn đề trên.

1.4. Ý nghĩa của nghiên cứu

Biên dịch đóng vai trò rất quan trọng trong QHQT nói chung và đối ngoại Việt Nam nói riêng. Nếu học tốt bộ môn này, sinh viên sẽ trang bị cho mình một vốn kiến thức và kinh nghiệm vững chắc để áp dụng vào công tác làm biên dịch sau này, nhất là với sinh viên Học viện Ngoại giao – những người mang trọng trách quốc gia. Tuy nhiên, so với những bộ môn khác trong chương trình đào tạo Cử nhân tiếng Anh của Học viện Ngoại giao như Tiếng Anh cơ sở, Tiếng Anh chuyên ngành, số lượng nghiên cứu tập trung vào vấn đề giải quyết những khó khăn thường gặp của môn Biên dịch không nhiều, một phần do sự hạn chế gây ra bởi tính chuyên môn cao của nó (chỉ tập trung vào kiến thức tiếng Anh, tiếng Việt ngành QHQT). Thực hiện

nghiên cứu này, người viết mong muốn chỉ ra những khó khăn sinh viên thường gặp nhất trong việc học bộ môn này, đồng thời đưa ra một số giải pháp để giúp sinh viên đạt được hiệu quả như ý sau khi hoàn thành cả 3 cấp độ của bộ môn.

1.5. Phạm vi nghiên cứu

Ý tưởng của nghiên cứu này xuất phát từ chính những quan sát và trải nghiệm của bản thân người viết sau ba học kỳ theo học môn Biên dịch tại khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao. Do hạn chế về mặt thời gian nên như đã nói trên, nghiên cứu chỉ tập trung vào khai thác những vấn đề cơ bản nhất trong việc học môn này của sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B, khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao. Nghiên cứu cũng chỉ tập trung vào phân tích những kiến thức cơ bản nhất trong biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh chuyên ngành QHQT.

1.6. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Trong quá trình tiến hành nghiên cứu, người viết đã sử dụng cả phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Phương pháp thu thập dữ liệu bao gồm thu thập thông tin về lịch sử nghiên cứu. Phương pháp định tính được dùng để phân tích, tổng hợp và lý giải các khó khăn mà người học tiếng Anh gặp phải. Phương pháp định lượng giúp chuyển số liệu sang dạng phần trăm. Cơ sở dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ sách và các trang web đáng tin cậy.

1.7. Bố cục của nghiên cứu

Nghiên cứu này bao gồm 6 chương như sau:

Chương I (*Giới thiệu*): Nêu ra vấn đề nghiên cứu, lý do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, ý nghĩa, phạm vi và bố cục của bài nghiên cứu.

Chương II (*Tổng quan lý thuyết*): Tóm tắt và tổng hợp những kiến thức về biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh chuyên ngành dựa trên những công trình nghiên cứu cùng đề tài và các tài liệu liên quan khác.

Chương III (*Phương pháp và nghiên cứu*): Nêu lên đối tượng, các phương pháp nghiên cứu, các bước thu thập và phân tích dữ liệu.

Chương IV (*Kết quả và bàn luận*): Chỉ ra những khó khăn chính trong việc học môn Biên dịch của sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B, khoa tiếng Anh hay gặp phải, lý giải nguyên nhân của những khó khăn này.

Chương V (*Khuyến nghị*): Đưa ra một số giải pháp giúp khắc phục những khó khăn trong việc học môn Biên dịch nhằm cải thiện kết quả bộ môn cho sinh viên Cử nhân tiếng Anh.

Chương VI (*Kết luận*): Tóm tắt toàn bộ nghiên cứu và gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo cùng đề tài.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

2.1. Giới thiệu chung

Với mục đích mang lại một cái nhìn tổng quan về ngành biên dịch, chương này đề cập đến những kiến thức và kỹ năng cơ bản của nghề biên dịch, tạo nền tảng lý giải cho những khó khăn mà sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B gặp phải khi học môn Biên dịch chuyên ngành QHQT. Do kiến thức về biên dịch cơ bản khá rộng nên người nghiên cứu chỉ xin trích ra những kiến thức phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của bài tiểu luận là biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh chuyên ngành QHQT.

2.2. Khái niệm biên dịch

Theo Hartmann & Stork (1972), “translation is the replacement of a representation of a text in one language by a representation of an equivalent text in a second language” (tạm dịch: Biên dịch là sự thay thế một thông điệp bằng chữ ở ngôn ngữ này bằng một thông điệp tương đương ở một ngôn ngữ thứ hai). Theo Pöchhacker (2004), biên dịch (translation) khác với phiên dịch (interpreting) ở các đặc điểm sau:

Biên dịch	Phiên dịch
Văn bản ở ngôn ngữ nguồn <i>có thể</i> được xem đi xem lại nhiều lần	Văn bản ở ngôn ngữ nguồn <i>không thể</i> được xem đi xem lại nhiều lần
-Áp lực thời gian ít hơn -Nhiều cơ hội để chỉnh sửa bài dịch	-Áp lực thời gian lớn hơn -Ít cơ hội để chỉnh sửa bài dịch

Hai thuật ngữ thường dùng nhất trong biên dịch là ngôn ngữ nguồn (source language) và ngôn ngữ đích (target language). VD, khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, tiếng Anh là NNN

và tiếng Việt là NND; ngược lại, khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh thì tiếng Việt lại là NNN và tiếng Anh là NND.

Về mặt phân loại, biên dịch thường được chia làm 2 loại chính là dịch phi thương mại (non-commercial translation) và dịch thuật chuyên ngành (professional translation). Loại thứ nhất bao gồm bài tập ngôn ngữ (language exercise), tài liệu hướng dẫn (instructional materials) và dịch giải trí (translation for pleasure), còn loại thứ hai được phân ra các nhánh nhỏ hơn tùy theo từng chuyên ngành: văn học dịch (literary translation), dịch phim-kịch (drama-screen translation), dịch tài liệu thông tin (informatory translation). Dịch thuật chuyên ngành QHQT được xếp vào loại dịch thứ hai.

Đối với người làm biên dịch, các kỹ năng cần thiết là nghiên cứu văn bản (researching skill) và kỹ năng máy tính (computer skill). Về năng lực, người biên dịch phải có hiểu biết về văn hóa (cultural knowledge) và hiểu biết về chủ đề đang dịch mà trong trường hợp của bài nghiên cứu này là QHQT. Một VD về hiểu biết văn hóa là từ Boxing Day. Từ này nếu dịch trực nghĩa thì sẽ là “ngày hộp” hoặc “ngày đấm bốc”, nhưng thực tế đó là ngày lễ của nước Anh mà trong đó người ta tặng quà cho những người đưa thư, đưa hàng; nếu không có hiểu biết về văn hóa Anh sẽ không thể dịch chính xác được. Cuối cùng, về phẩm chất, người biên dịch phải trung thành với bản dịch bằng cách dịch chính xác nhất có thể, không được thêm bớt, sáng tạo hoặc thay đổi nội dung của văn bản NNN, nếu vi phạm có thể gây ra những hậu quả khôn lường.

2.3. Các kỹ thuật dịch cơ bản

Lưu ý: Trên thực tế có nhiều kỹ thuật dịch hơn số kỹ thuật được liệt kê ở đây, tuy nhiên do phạm trù của bài nghiên cứu chỉ đi vào biên dịch chuyên ngành QHQT nên người viết chỉ đưa vào tiểu luận các kỹ thuật có thể áp dụng trong biên dịch chuyên ngành này.

2.3.1. Dịch tên riêng

Tên riêng (tên người, tên địa danh) không có thuộc tính thống nhất, và phần lớn chúng không thể dịch được. VD ta không thể dịch tên Bộ trưởng Bộ Công an Đinh La Thăng thành “Nail Scold Promote” (nail = đinh, scold = la (mắng), promote = thăng (chức)), cũng như không thể dịch “Ms. Rice” thành “bà Gạo” hoặc “bà Com” được. Khi dịch tên riêng từ tiếng Anh sang tiếng Việt, chúng ta thường thiên về kỹ thuật phiên âm nhiều hơn là ngữ nghĩa (VD *Manchester*

thành *Man-chét-xto*). Như vậy, có thể đưa ra 2 nguyên tắc dịch cho những cái tên này. Một là chấp nhận những tên đã được dịch và đã quen thuộc với người Việt như *Chiến tranh hoa hồng* (War of the Roses), hoặc chấp nhận những từ dịch Hán-Việt mà người Việt đã quen (VD *London* thành *Luân Đôn*). Tuy nhiên cách thứ hai chỉ nên áp dụng với những từ phổ biến với nhiều người Việt chứ không nên lạm dụng (VD nói Lenin người Việt sẽ hiểu ngay là ai nhưng nói Liệt Ninh là tên phiên âm Hán-Việt của ông thì chưa chắc đã nhiều người biết).

2.3.2. Chọn từ dịch sát với văn phong và ngữ cảnh của NND

Trong khi dịch, người dịch nên chọn từ ngữ sát với văn phong và ngữ cảnh của NND nhất có thể. VD trong câu “IS is laying a plan for terrorism” thì động từ “lay” có nhiều nghĩa (sắp đặt, nằm, đẻ trứng...) thì ta phải dựa vào ngữ cảnh để nhận thấy từ “lay” này mang nghĩa thứ nhất (sắp đặt) để dịch được câu trên ra tiếng Việt là “IS đang sắp đặt một âm mưu khủng bố.”

2.3.3. Yếu tố mang đặc thù quốc gia/đặc trưng văn hóa

Có những từ mang một khái niệm cụ thể nhưng khái niệm đó chỉ xuất hiện trong một cộng đồng nhất định. Ví dụ, trong văn hóa Việt Nam có khái niệm lễ hầu đồng (lên đồng) mà văn hóa Anh không có, vì vậy cũng không có từ nào chỉ nghi lễ này trong tiếng Anh. Trong trường hợp này, người dịch không nên tạo ra một từ mới tương đương với từ *hầu đồng* trong tiếng Anh mà nên giữ nguyên (kèm phiên âm nếu cần) rồi giải thích nghĩa trong ngoặc đơn. Nếu ngữ cảnh cho phép, người dịch có thể dịch trực tiếp từ đó theo khái niệm (VD *Ông Ba Mươi* thành *The Worshipped Tiger*) mà không cần mở ngoặc giải nghĩa nữa. Nếu may mắn hơn, người dịch có thể tìm được một khái niệm tương đương trong NND (ví dụ từ *đình làng* trong tiếng Việt và *common house* trong tiếng Anh – đều là từ chỉ nơi sinh hoạt cộng đồng).

2.3.4. Lặp lại từ

Trong tiếng Anh, danh từ chủ ngữ hoặc tân ngữ thường không được nhắc lại nhiều mà được thay thế bằng đại từ nhân xưng. Nếu tiếng Anh chỉ có 7 đại từ nhân xưng *I, You, We, They, He, She* và *It* thì tiếng Việt lại tồn tại một hệ thống đại từ phức tạp, vì vậy mà khi dịch sang tiếng Việt, người dịch phải chú ý vào ngữ cảnh của câu để dùng đúng đại từ nhân xưng trong tiếng Việt. Ví dụ khi dịch câu “I first met her when she was 17”, người dịch phải đọc các câu và đoạn trước để xác định mối quan hệ của “her” với người nói/viết. Nếu “her” là bạn gái hoặc vợ thì

dịch thành “Tôi gặp cô ấy/nàng lần đầu khi nàng 17 tuổi”, nhưng nếu là cháu gái gọi người viết bằng chú thì phải dịch “Tôi gặp con bé lần đầu khi nó 17 tuổi.” Ngược lại, trong tiếng Việt, người Việt thường nhắc lại danh từ chủ ngữ hoặc tân ngữ, còn tiếng Anh chỉ dùng mệnh đề quan hệ (who, which, whose, that...). Ví dụ, câu “Tôi đã gặp một số người, những người biết cha tôi” nếu dịch thành “I met some people, those people know my father” thì không sai nhưng nghe rất lủng củng. Thay vào đó, sử dụng mệnh đề quan hệ *who* sẽ khiến câu nhuần nhuyễn hơn hẳn: “I met some people who know my father.”

2.3.5. Dịch từ viết tắt

Từ viết tắt tiếng Anh được chia làm 3 loại. Một là viết tắt tên riêng, thường là tên các tổ chức (UN, NASA,...). Trường hợp này giữ nguyên từ viết tắt và giải thích trong ngoặc, VD *WHO* (*Tổ chức Y tế Thế giới*). Loại thứ hai là viết tắt theo ước lệ, ví dụ *e.g.* (examples), *et al.* (and others). Trong trường hợp này, từ *et al.* phải dịch thành “và một số người khác” vì tiếng Việt không có từ viết tắt tương tự, còn *e.g.* có thể dùng từ viết tắt *VD* hoặc *v.d.* là viết tắt của từ *ví dụ* trong tiếng Việt. Loại cuối cùng là viết tắt thuật ngữ, chẳng hạn *GDP* (Gross Domestic Product – tổng sản phẩm quốc nội). Trường hợp này nếu dịch cho giới chuyên môn thì giữ nguyên từ viết tắt, còn dịch cho đại bộ phận quần chúng thì bổ sung phần giải thích nếu từ đó mang tính chuyên ngành cao.

2.3.6. Dịch tiêu đề

Trong tiếng Anh, có những tiêu đề thể hiện trực tiếp ý chính của bài viết, nhưng cũng có những tiêu đề được viết một cách hình tượng mà sau khi đọc bài mới hiểu. Ví dụ, trong ngữ cảnh QHQT, đọc tiêu đề *Asia's Challenge: Separatism*, ta có thể hình dung ngay nội dung bài và có thể dịch ngay là *Thử thách của châu Á: Chủ nghĩa ly khai*. Nhưng với một tiêu đề như *How to End It?* thì dĩ nhiên ta phải đọc hết bài (bài báo được nói đến ở đây viết về tình hình bất ổn ở Afghanistan) để hiểu ý nghĩa tiêu đề và chọn cách dịch thích hợp (VD cách thêm từ: *Afghanistan: Làm gì để kết thúc bất ổn?*)

2.3.7. Dịch cấu trúc phủ định

Có 3 loại cấu trúc phủ định cơ bản, loại thứ nhất là cấu trúc tồn tại hoặc có tương đương trong cả tiếng Anh và tiếng Việt (VD “I can’t speak Spanish” & “Tôi không biết nói tiếng Tây

Ban Nha”). Loại thứ hai là cấu trúc phủ định tiếng Anh mà tiếng Việt không có hoặc khó dịch, VD cấu trúc *not until...that...*: “Not until I heard from my friend that I knew about the Paris terrorist attacks.” (tạm dịch: Mãi đến khi nghe bạn nói tôi mới biết về vụ tấn công khủng bố ở Paris). Có thể thấy không hề tồn tại yếu tố phủ định nào trong bản dịch tiếng Việt - vì vậy mà trong các trường hợp tương tự, người dịch không nên cố nhét cấu trúc phủ định nào trong bản dịch mà nên tuân theo nghĩa của câu ở NNN.

2.4. Các kiểu biên dịch

Biên dịch được chia làm 9 loại chính: dịch từng từ, dịch theo ngữ pháp, dịch bám sát nội dung, dịch theo ngữ nghĩa, dịch truyền đạt thông tin, dịch thành ngữ, dịch thoát và dịch chuyển thể. Tuy nhiên do phạm trù nội dung bài tiểu luận là về biên dịch chuyên ngành QHQT nên người viết chỉ xin được đi sâu vào phân tích các kiểu dịch sau - là các kiểu dịch có thể áp dụng trong QHQT:

2.4.1. Dịch theo ngữ nghĩa (*semantic translation*)

So với dịch bám sát nội dung là kiểu dịch chỉ tập trung vào ý nghĩa ở NNN, dịch theo ngữ nghĩa tập trung vào ý nghĩa ở cả NNĐ, vì vậy mà nó linh động và tự nhiên hơn. Dịch ngữ nghĩa tập trung vào vấn đề mỹ học của ngôn ngữ, do vậy nó thường được áp dụng trong những văn bản có tính uy tín cao như văn bản về chính trị, đối ngoại, luật, tôn giáo hoặc trong các tác phẩm văn học; đặc biệt đây là kiểu dịch thường dùng khi dịch các văn bản về QHQT.

2.4.2. Dịch truyền đạt thông tin (*communicative translation*)

Kiểu dịch này có phần tự do hơn dịch theo ngữ nghĩa và tập trung vào hiệu quả truyền đạt thông tin, do đó ngôn ngữ của kiểu dịch này phải dễ đọc, dễ hiểu. Vì vậy, văn bản dịch để truyền đạt thông tin tuy không hay bằng nhưng có phần ngắn gọn và súc tích hơn so với dịch ngữ nghĩa. Ví dụ, câu “North Korea is a realm where people are brainwashed to worship their Dear Leader Kim Jong-il” nếu dịch theo ngữ nghĩa sẽ thành “Bắc Triều Tiên là một vương quốc mà con người được tẩy não để thờ phụng Lãnh tụ Kính yêu Kim Jong-il của họ”, còn dịch để truyền đạt thông tin sẽ chỉ là “Người dân Bắc Triều Tiên bị tẩy não để thờ phụng lãnh tụ Kim Jong-il của họ.”

2.4.3. Dịch thành ngữ (idiomatic translation)

Vì thành ngữ là yếu tố thuộc về văn hóa nên kiểu dịch này tập trung vào việc truyền tải thông điệp của NNN chứ không quan trọng về nghĩa trực quan, có xu hướng dùng khẩu ngữ không có ở NNN và có kết quả rất tự nhiên, sinh động. Do vậy, để có thể dịch theo kiểu này, người dịch phải có hiểu biết về văn hóa cả 2 nước Anh-Việt. VD câu thành ngữ *Chở củi về rừng* dịch sang tiếng Anh sẽ thành *Carry coals to Newcastle*, vì Newcastle là thành phố nằm ở vùng đông bắc nước Anh nổi tiếng về khai thác than (WisegEEK, n.d.).

2.5. Các bước cơ bản để dịch một câu, đoạn văn bản

Theo thầy Nguyễn Quốc Hùng, nguyên Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (nay là Trường Đại học Hà Nội), người biên dịch cần thực hiện 6 bước chính để dịch một câu hay đoạn văn:

Bước 1: Read through (đọc qua). Người dịch đọc bài trong NNN một lượt từ đầu đến cuối để nhận diện chủ đề của bài (VD: vấn đề an ninh trên bán đảo Triều Tiên), sau đó có thể tóm tắt lại ý chính trong một câu hoặc một đoạn văn ngắn để nắm bắt nó một cách cô đọng nhất. Trong lần đọc này, người dịch không cần đọc từng câu, từng chữ cũng như không cần biết nghĩa từng từ. Đây là bước “survey the original” (tìm hiểu bản gốc).

Bước 2: Learn new words and phrases difficult to translate (nhận diện các từ mới và cụm từ khó dịch). Các từ và cụm từ nằm trong nhóm này là từ chuyên ngành và thành ngữ, tục ngữ. Ngày nay, nhờ sự nâng cấp của các loại từ điển và internet, chúng ta có thể dễ dàng tra cứu những yếu tố đó, tuy nhiên với các đặc ngữ hoặc từ mang tính chuyên ngành quá cao cần liên hệ với chuyên gia (expert/resource person) nhờ tư vấn thêm.

Bước 3: Identify sentence structures/grammatical patterns (nhận diện mẫu câu). Mục đích của bước này là tập phân tích câu thành những thành phần cấu tạo để hiểu được chính xác nghĩa của câu. VD câu “Now, the most that can be hoped for in the immediate future is a truce, followed by the restoration of some minimal cooperation” (Woollacott, 2000) có thể được phân tích thành “A truce followed by the restoration of some minimal cooperation is the most that can be hoped for in the immediate future.”

Bước 4: Translation activities (tiến hành dịch thuật). Dịch từng câu, từng đoạn một cách dịch chính xác về nghĩa và đúng văn phong. Không phỏng dịch, thêm bớt, sáng tạo hoặc làm thay đổi ý nghĩa văn bản ở NNN. Sau bước này, người đọc phải hiểu được chính xác ý nghĩa của từng câu.

Bước 5: Style (biên tập/chỉnh sửa): Biên tập lại câu sao cho phù hợp với lối nói của người Việt (Dịch Anh-Việt) và người Anh (dịch Việt-Anh). VD “It was believed that” có thể dịch là “Nó được cho rằng”, nhưng trong văn phong tiếng Việt thì nên đổi sang câu chủ động “Người ta cho rằng”.

Bước 6: Comment (bình luận bài dịch). Người viết tự đánh giá kết quả bài dịch đúng hay sai, chính xác hay không chính xác, thích hợp hay không thích hợp với văn cảnh, văn phong thuần Việt – văn phong thuần Anh...

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ NGHIÊN CỨU

3.1. Giới thiệu chung

Mục đích của bài tiểu luận là xác định những khó khăn chính mà sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B gặp phải khi học môn Biên dịch. Để tìm ra những khó khăn này, nghiên cứu được thực hiện qua các bước sau: thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và đánh giá cá nhân để tìm ra mối quan hệ giữa lý thuyết và những khó khăn mà các sinh viên này gặp phải trong thực tiễn. Chương III bao gồm mô tả về sự lựa chọn đối tượng nghiên cứu, phương tiện nghiên cứu, quá trình thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu.

3.2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu

Đối tượng được chọn của nghiên cứu này là 55 bạn sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B, khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao. Tại thời điểm tiến hành nghiên cứu, nhóm sinh viên này đã hoàn thành cả 3 cấp độ của môn Biên dịch, vì vậy có thể đưa ra cái nhìn toàn diện nhất về những khó khăn thường gặp của bộ môn.

3.3. Phương tiện thu thập dữ liệu

3.3.1. Bảng điều tra

Các sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B được đề nghị hoàn thành một bảng hỏi (Nunan, 1992) với 6 câu hỏi liên quan đến kết quả học môn Biên dịch ở cả 3 cấp độ, những khó khăn các bạn hay gặp phải và những giải pháp có thể giúp cải thiện kết quả học tập. Để đảm bảo tính khách quan và công bằng, mỗi sinh viên sẽ tự mình hoàn thành bảng hỏi mà không được phép nhìn đáp án do người khác lựa chọn. Chỉ người nghiên cứu có thể xem được toàn bộ kết quả điều tra. Kết quả điều tra chỉ được công khai sau khi toàn bộ 55 đối tượng nghiên cứu hoàn thành điền bảng hỏi.

3.3.2. Bài tập dịch

Các sinh viên 2 lớp sẽ được yêu cầu làm một bài tập dịch nhỏ dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm có sẵn của bản thân. Người nghiên cứu sẽ đưa ra 2 bài tập, một bài yêu cầu sinh viên dịch Anh-Việt và bài còn lại yêu cầu dịch Việt-Anh hai câu trích từ những văn bản liên quan đến chủ đề ngoại giao và QHQT. Các sinh viên làm bài bằng cách viết câu trả lời vào

khoảng trống được cho sẵn trong bảng hỏi, không được sử dụng từ điển, internet hoặc bất kỳ phương tiện hỗ trợ nào khác.

3.4. Quá trình thu thập thông tin

Thông tin được thu thập từ các bảng hỏi được phát cho 55 sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B. Bên cạnh đó, các sinh viên này được khuyến khích đưa ra thêm những khó khăn khác do chính họ mắc phải trong quá trình học Biên dịch cũng như các giải pháp của bản thân (trong bảng hỏi, 2 câu hỏi liên quan đến vấn đề này có một lựa chọn là “Ý kiến khác”, ở đó sinh viên có thể đưa ra câu trả lời khác với những đáp án có sẵn). Như đã nói ở trên, mỗi sinh viên phải tự hoàn thành bảng hỏi mà không được nhìn đáp án của người khác, cũng không có sự trợ giúp của từ điển hay các phương tiện khác có thể làm ảnh hưởng tới quá trình dịch của các sinh viên này, đồng thời đảm bảo chủ kiến riêng, tránh tình trạng các sinh viên bị ảnh hưởng bởi ý kiến của nhau.

3.5. Quá trình phân tích dữ liệu

Sau khi đã thu thập được dữ liệu, bước tiếp theo người viết sẽ tiến hành phân tích những dữ liệu đó. Kết quả bảng hỏi được xem lại và thống kê những khó khăn mà các bạn sinh viên đã liệt kê, đồng thời đánh giá tình hình làm những bài tập nhỏ mà các bạn được người nghiên cứu yêu cầu.

Phương pháp định tính được người viết sử dụng để phân tích, đánh giá, so sánh giữa lý thuyết và thực hành của việc học môn Biên dịch.

Phương pháp định lượng được sử dụng để chuyển dữ liệu sang dạng phần trăm và xác định được thói quen của các bạn sinh viên khi dịch (Nunan, 1992).

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Với phạm vi nghiên cứu đã được đề cập ở chương I cùng đối tượng nghiên cứu được xác định ở chương III, có thể nói, kết quả thu được chỉ là những kết quả rất khiêm tốn trong việc xác định những khó khăn khi học môn Biên dịch ở cả ba cấp độ. Ngoài ra, do sự hạn chế về thời gian và trình độ người nghiên cứu nên bài nghiên cứu chỉ xin đề cập tới những khó khăn cơ bản nhất trong việc học Biên dịch chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Từ chuyên ngành QHQT

Theo kết quả điều tra 2 lớp, đây là vấn đề mà các sinh viên gặp phải nhiều nhất khi học môn Biên dịch, chiếm 40% tổng số sinh viên được hỏi. Như chúng ta đã biết, giáo trình môn Biên dịch cho cả 3 cấp độ được thiết kế theo định hướng chuyên ngành QHQT. Chính vì vậy mà trong hầu hết các bài báo, văn bản được trích dẫn làm bài tập dịch cho sinh viên, rất nhiều từ chuyên ngành của lĩnh vực này đã xuất hiện, chẳng hạn *MOU (Memorandum of Understanding – biên bản ghi nhớ)*, *de facto (thực tế không chính thức, VD de facto government – chính phủ không chính thức)*, *regime (chế độ cai trị)* hay *rogue state (một quốc gia bị cho là không tuân thủ luật pháp quốc tế và là mối đe dọa cho các quốc gia khác, chẳng hạn Triều Tiên)* (Oxford Dictionaries, n.d.). Những từ hoặc cụm từ này hầu hết chỉ dùng trong ngữ cảnh QHQT và đều xa lạ với ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày. Hơn nữa, trong các văn bản này còn có rất nhiều từ mà trong ngôn ngữ giao tiếp cơ bản mang một nghĩa nhưng trong ngữ cảnh QHQT lại mang một nghĩa khác, đòi hỏi sinh viên phải suy nghĩ logic mới có thể hiểu đúng. Một VD của trường hợp này là từ *watchdog*. Trong ngữ cảnh thường, từ này có nghĩa là chó giữ nhà, nhưng trong QHQT nó được dùng để chỉ một người, một hội đồng hay cơ quan giám sát về một vấn đề nhất định, VD: *IAEA is the UN nuclear watchdog (IAEA là cơ quan giám sát hạt nhân của Liên Hợp Quốc)* (Vocabulary.com, n.d.). Về khía cạnh dịch Việt-Anh, rất nhiều sinh viên cũng gặp phải khó khăn tương tự trong việc tìm từ tương ứng trong tiếng Anh, nhất là khi làm bài thi Biên dịch các bạn chỉ được phép dùng từ điển đơn ngữ (Anh-Anh). Trong trường hợp đó, rất nhiều bạn đã chọn cách cố gắng diễn đạt từ hoặc cụm từ đó theo một cách khác hoặc chọn từ tương tự, song cách làm này sẽ không đảm bảo tính trọn vẹn về mặt ý nghĩa cho bài dịch.

4.1.2. Sự khác nhau trong cấu trúc ngôn ngữ

Đứng thứ hai trong các khó khăn của sinh viên khi học Biên dịch với tỉ lệ 30%, vấn đề này nằm trong chính bản thân tiếng Anh và tiếng Việt. Tiếng Anh thuộc ngữ hệ ngôn ngữ Giéc-man (Germanic), còn tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Hai ngôn ngữ này vốn khác nhau về bản chất nên kéo theo các khía cạnh về từ ngữ, ngữ pháp...cũng khác nhau rất nhiều.

Về mặt cấu trúc từ ngữ, các từ vựng tiếng Anh hầu hết được hình thành theo cấu trúc quả bóng tuyết (snowball), có nghĩa là một từ có thể thay đổi từ loại hoặc ý nghĩa khi được thêm tiền tố (prefix) hoặc hậu tố (suffix). VD, từ *accurate* bình thường là tính từ, nhưng khi thêm hậu tố -ly thì trở thành phó từ *accurately* để đứng sau động từ. Và khi thêm tiền tố in-, ta được tính từ *inaccurate* có ý nghĩa trái ngược với tính từ gốc. Nhưng cấu trúc này không tồn tại trong tiếng Việt. *Accurate* dịch ra tiếng Việt là *chính xác*, từ loại thì không thay đổi nhưng để biến nó thành phó từ hay từ trái nghĩa ta không thể thêm tiền tố hay hậu tố được. Thay vào đó, ta phải thêm từ *một cách* vào trước nó để bổ sung ý nghĩa cho động từ (VD *giải bài tập một cách chính xác*) còn nếu muốn có từ trái nghĩa ta thêm từ phủ nhận *không*, trở thành *không chính xác*.

Còn về ngữ pháp, trong cấu trúc câu cơ bản của tiếng Anh, động từ (verb) chỉ đứng sau chủ ngữ (subject) và đứng trước tất cả các thành tố khác như tân ngữ (object), tính từ (adjective), phó từ (adverb) và danh từ (noun). Nhưng tiếng Việt lại không như vậy, có rất nhiều trường hợp các thành tố ngoài động từ đứng ngay sau chủ ngữ. VD, so sánh 2 câu sau có nghĩa tương đương trong 2 ngôn ngữ, *She is pretty* và *Cô ấy đẹp*, có thể thấy cấu trúc của câu tiếng Anh là S (She) + V (is) + Adj (pretty) nhưng của câu tiếng Việt lại là S (Cô ấy) + Adj (đẹp). Ngoài ra, tiếng Anh tồn tại một hệ thống thì (tense) phức tạp với 21 thì khác nhau dùng để chỉ thời gian và phải chia động từ tùy theo thì của câu (English Grammar Online, n.d.).

Sự khác biệt lớn này gây nhiều khó khăn cho sinh viên khi chuyển câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại, đặc biệt trong ngữ cảnh QHQT. VD, câu “Thông tin trên các mạng xã hội không phải nguồn chính thống, thiếu kiểm chứng, không có mục đích rõ ràng hoặc mục đích xuyên tạc, lừa đảo” (Báo Tin Tức, 2013) hoàn toàn hợp lý về mặt ngữ pháp trong tiếng Việt nhưng nếu bê y nguyên cấu trúc này dịch ra tiếng Anh sẽ rất lủng củng: “Information on social networks are not official, lack of clarification, does not have a specific purpose or (has)

deceptive purposes”, đọc lên giống như từng mảnh ý chắp vá vào nhau chứ không phải là một câu. Thay vào đó, ta buộc phải thay đổi cấu trúc câu gốc bằng các biện pháp như thêm từ nối, tách thành 2-3 câu nhỏ...để đảm bảo ý nghĩa cho câu, VD: “Information on social networks are not only unofficial but also lacks clarification. Its purpose is either unclear or deceptive.”

4.1.3. Câu quá dài

Đây là đặc trưng thường gặp ở các văn bản mang tính chuyên ngành, đặc biệt là văn bản ngoại giao tiếng Việt. Rất ít khi gặp câu đơn trong các bài viết chủ đề QHQT – hầu như đều là câu ghép, có ít nhất 2 cụm chủ-vị, có câu có đến 3, 4, thậm chí 5 cụm chủ-vị (hoặc 1 chủ ngữ nhưng nhiều vị ngữ) chỉ được cách nhau bằng những dấu phẩy hoặc chấm phẩy. Nguyên do của việc này là người viết (hoặc người nói nếu là trích dẫn câu nói) muốn diễn đạt nhiều ý trong cùng một câu nói. VD, trong câu nói sau đây của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh *“Trước tiên chúng ta phải tăng cường thúc đẩy quan hệ chính trị để tạo cơ sở, tiền đề để phát triển kinh tế, thương mại, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài; tích cực vận động nguồn vốn ODA cho Việt Nam”* (Bộ Ngoại giao, 2016) chúng ta thấy có tới 4 vế câu tồn tại (đã được người nghiên cứu đánh dấu bằng dấu gạch chéo): *“Trước tiên chúng ta phải tăng cường thúc đẩy quan hệ chính trị/ để tạo cơ sở, tiền đề để phát triển kinh tế, thương mại,/ tích cực thu hút đầu tư nước ngoài;/ tích cực vận động nguồn vốn ODA cho Việt Nam.”* Hơn nữa mỗi vế câu còn tồn tại nhiều ý được ngăn cách bởi dấu phẩy (*“để tạo cơ sở, tiền đề để phát triển kinh tế, thương mại”*). Trong ngôn ngữ nói, tính đơn giản của câu được chú trọng, chính vì vậy mà chúng ta gần như không bao giờ gặp những câu nói kiểu này trong giao tiếp thường ngày. Do đó nhiều sinh viên khi đọc những văn bản ngoại giao, chính trị đã cảm thấy rối ý, không xác định được nội dung chính, cộng với sự khác nhau giữa cấu trúc câu tiếng Anh và tiếng Việt đã cảm thấy việc dịch những câu dài là một trở ngại lớn, dù vấn đề này chỉ chiếm 20% trong số những khó khăn thường gặp.

4.1.4. Yếu tố văn hóa

Trong tác phẩm nổi tiếng *And The Mountains Echoed* (tạm dịch: *Và những ngọn núi vọng lại*), nhà văn, dược sỹ Mỹ gốc Afghanistan Khaled Hosseini đã viết “If culture was a house, then language was the key to the front door, to all the rooms inside” (tạm dịch: Nếu văn hóa là một ngôi nhà thì ngôn ngữ là chìa khóa mở ra cánh cửa trước để vào tất cả những căn phòng bên

trong). Phép so sánh này đã cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa của mỗi quốc gia, và tiếng Anh cũng như tiếng Việt không phải ngoại lệ. Hai ngôn ngữ này phản ánh trong nó hai nền văn hóa khác nhau, và sự khác nhau này chiếm 10% còn lại trong danh sách những khó khăn của sinh viên khi học môn Biên dịch. Như đã phân tích ở chương 2, người biên dịch rất có thể gặp phải yếu tố đặc trưng văn hóa – những từ hoặc cụm từ chỉ xuất hiện trong một cộng đồng nhất định. Trong văn hóa Anh tồn tại rất nhiều yếu tố mà văn hóa Việt không có và ngược lại – điều này thể hiện rõ nhất trong hệ thống các thành ngữ, tục ngữ, điển tích, điển cố của mỗi nước. Như đã nói ở mục 2.4.3, nếu may mắn, người biên dịch sẽ tìm được những câu thành ngữ, tục ngữ có nghĩa tương đương nhau trong ngôn ngữ hai nước, như câu *Carry coals to Newcastle* trong tiếng Anh tương đương với câu *Chở củi về rừng* trong tiếng Việt. Trong trường hợp không thể tìm được câu tương đương trong ngôn ngữ còn lại thì thường người dịch phải diễn giải ý nghĩa câu thành ngữ đó ra tùy theo hoàn cảnh. Ví dụ, trong câu tiếng Việt “Chẳng có họ hàng thân thích nào ở Hà Nội nên mọi sự cần giúp đỡ, Tâm đành bán anh em xa, mua láng giềng gần” sử dụng câu tục ngữ *Bán anh em xa, mua láng giềng gần* mà tiếng Anh không có. Nếu muốn dịch sang tiếng Anh sẽ phải giải thích như sau: “Having no relatives in Hanoi, Tam depends on people around her whenever she needs help”.

Trong ngữ cảnh QHQT, những trường hợp tương tự cũng đã xuất hiện. Trong bài viết tựa đề *Globalization: You Can't Stop Life* (tạm dịch *Toàn cầu hóa: Cuộc sống không thể ngừng lại*) vào tháng 7/2001, tác giả Nayan Chanda đã viết “The crude slogans and violence of the protesters only lead to their characterization as backward-looking Luddites”. Trong trường hợp này, nếu không biết từ Luddites nghĩa là gì thì người biên dịch khó có thể dịch được câu trên ra tiếng Việt. Tuy nhiên chúng ta cũng khó tìm được từ này trong các từ điển thông thường bởi bản chất nó là một điển cố bắt nguồn từ lịch sử Anh: “A member of any of various bands of workers in England (1811–16) organized to destroy manufacturing machinery, under the belief that its use diminished employment” (tạm dịch: Thành viên của các nhóm công nhân Anh vào những năm 1811-1816 chuyên đập phá máy móc sản xuất một cách có tổ chức vì cho rằng chúng là nguyên nhân gây giảm việc làm) (Dictionary.com, n.d.). Về sau này Luddites trở thành một từ chỉ những người lạc hậu, phản đối công nghệ mới và những thay đổi về công nghệ, vì vậy mà nó được dùng trong ngữ cảnh toàn cầu hóa nói trên. Trong trường hợp này, có hai cách xử lý người biên dịch có thể áp dụng. Một là dịch toàn bộ câu và giải thích nghĩa từ Luddites: “Những khẩu hiệu thô thiển và sự thô bạo của những người phản đối chỉ khiến họ được mô tả như những người

Luddite lạc hậu” (Luddite: thành viên của các nhóm công nhân Anh vào những năm 1811-1816 chuyên đập phá máy móc sản xuất một cách có tổ chức vì cho rằng chúng gây thất nghiệp; sau này được dùng để chỉ những người lạc hậu, phản đối công nghệ mới và những thay đổi về công nghệ). Hai là loại bỏ hoàn toàn từ Luddites và thay thế bằng một khái niệm khác dễ hiểu hơn với người Việt: “Những khẩu hiệu thô thiển và sự thô bạo của những người phản đối chỉ khiến họ được mô tả như những kẻ lạc hậu đi ngược lại sự phát triển của công nghệ”. Cách này thường được dùng khi văn bản yêu cầu dịch ngắn gọn, súc tích nhất có thể.

4.2. Bàn luận

Trong phần này, người viết sẽ đưa ra một số nguyên nhân lý giải tại sao các bạn sinh viên lại gặp những khó khăn như vậy khi học Biên dịch. Theo quan điểm của người viết, có một số nguyên nhân chính từ nhiều nhân tố khác nhau.

Thứ nhất, đó là kỹ năng sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh cơ sở của các bạn không tốt. Như người viết đã phân tích, để học tốt môn Biên dịch, sinh viên phải sử dụng nhuần nhuyễn từ ngữ và ngữ pháp ở cả tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ. Có rất nhiều sinh viên, nhất là các bạn không phải người Hà Nội đã quen sử dụng tiếng địa phương nên đôi khi chưa quen với tiếng Việt phổ thông, dẫn đến việc sử dụng tiếng Việt không nhuần nhuyễn. Còn nguyên nhân khiến các bạn sử dụng không thành thạo tiếng Anh cơ sở thì rất nhiều: bắt đầu học tiếng Anh muộn (nhiều nơi do thiếu thôn về cơ sở vật chất nên học sinh đến cấp THPT mới bắt đầu được học tiếng Anh), không được dạy và học tốt tiếng Anh khi còn ở bậc phổ thông và học không tốt 3 môn TACS khi còn là sinh viên năm thứ nhất và thứ hai của khoa tiếng Anh. Vì vậy mà chưa nói đến tiếng Anh chuyên ngành QHQT, việc có thể dịch thông thạo văn bản bằng tiếng Anh cơ sở sang tiếng Việt và ngược lại đã là thử thách lớn với không ít sinh viên hai lớp TA39A và TA39B.

Thứ hai, đó là sự cản trở của tiếng Việt đối với tiếng Anh. Nguyên nhân này là một phần hệ quả của nguyên nhân thứ nhất. Do tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ nên nhiều bạn đã quen với việc tư duy chỉ bằng một ngôn ngữ mà không thể tư duy linh động bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh – một trong những yếu tố cần thiết của người làm biên dịch. Điều này càng dễ xảy ra nếu sinh viên đó không được làm quen với tiếng Anh sớm hoặc không được dạy và học đúng cách ở bậc phổ thông, dẫn đến việc tiếp thu tiếng Anh một cách thụ động, không phát huy được khả năng tư duy bằng tiếng Anh.

Thứ ba là sinh viên bị hổng kiến thức do học không tốt các bộ môn là tiền đề hoặc song song với môn Biên dịch. Trong chương trình đào tạo của khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao, có rất nhiều bộ môn cung cấp kiến thức bổ trợ cho môn Biên dịch như Tiếng Việt thực hành (cung cấp kiến thức sử dụng tiếng Việt chuẩn), Đất nước học Anh-Mỹ, Văn học Anh-Mỹ (cung cấp kiến thức về văn hóa Anh-Mỹ), TACN I, II, III và IV (dạy tiếng Anh chuyên ngành QHQT), Lý thuyết dịch (cung cấp kiến thức về lý thuyết và các kỹ năng dịch thuật cần thiết)...Ngoài ra, một số môn đại cương khác của Học viện như Lịch sử ngoại giao Việt Nam, Chính sách đối ngoại Việt Nam I, II...cũng cung cấp rất nhiều kiến thức về QHQT và đối ngoại Việt Nam. Việc nắm kiến thức của các môn học này không chắc chắn gây ảnh hưởng lớn đến việc học môn Biên dịch của sinh viên, nhất là hệ thống 4 môn TACN cung cấp kiến thức liên quan mật thiết đến bộ môn Biên dịch.

Thứ tư là vấn đề thái độ học tập của sinh viên với bộ môn và những yếu tố tâm lý. Thái độ của người học có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả học tập của môn Biên dịch. Từ quan sát của bản thân, người nghiên cứu nhận thấy rằng có tới 95% trong số sinh viên được nghiên cứu cảm thấy Biên dịch là môn học nhàm chán và tỏ thái độ bất hợp tác với giảng viên trong và ngoài thời gian trên lớp, thể hiện qua việc không chú ý nghe giảng, không tích cực xây dựng bài, không làm bài tập về nhà...Điều này một phần do Biên dịch là bộ môn mang tính học thuật và chuyên ngành cao nên giảng viên khó có thể tìm ra phương pháp học hấp dẫn với sinh viên. Bên cạnh đó, do tâm lý muốn kết quả dịch được “đọc quen mắt, nghe quen tai” nên trong quá trình dịch nhiều sinh viên đã gây ra những thay đổi lớn và nhiều khi biến đổi hằn ngữ nghĩa của câu gốc để phù hợp với cách hành văn trong ngôn ngữ đích (hiện tượng này đặc biệt phổ biến khi sinh viên làm bài dịch Anh-Việt). Điều này khiến bản dịch có thể nhuần nhuyễn hơn nhưng lại phạm vào quy tắc dịch, không trung thành với bản gốc.

CHƯƠNG 5: KHUYẾN NGHỊ

Thông qua việc nghiên cứu những khó khăn mà sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B đã gặp phải sau 3 kỳ học Biên dịch, trong chương này người viết xin được đưa ra một số giải pháp giúp các sinh viên đang và sẽ theo học môn này có thể khắc phục những vấn đề hay gặp phải khi, từ đó cải thiện kết quả học tập bộ môn. Đây chỉ là những phương án mà người viết tự rút ra và thu thập dựa trên các tài liệu sẵn có và kinh nghiệm của chính người viết. Các bạn sinh viên có thể áp dụng hoặc tự rút ra các phương án khác để đạt được hiệu quả học và giảng dạy tốt nhất.

5.1. Tích cực trong học tập

Giải pháp đầu tiên để khắc phục khó khăn vẫn là đánh vào ý thức chủ quan của sinh viên. Để học tốt môn Biên dịch, sinh viên phải có thái độ học tập tốt, tích cực hợp tác với giảng viên. Ở trên lớp sinh viên cần chú ý nghe giảng, phát biểu xây dựng bài, học và làm bài tập đầy đủ, tích cực giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập. Ngoài ra, sinh viên cần lập tức trao đổi với giảng viên khi gặp bất kỳ khúc mắc nào để sớm có hướng giải quyết, tránh để khó khăn kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ học Biên dịch ở các học kỳ sau.

5.2. Tăng cường tiếp xúc với ngôn ngữ chuyên ngành QHQT

Biên dịch là bộ môn sử dụng nhiều kiến thức về đối ngoại và QHQT, chính vì vậy việc tăng cường kiến thức cũng như ngôn ngữ và văn phong ngoại giao là một trong những chìa khóa quan trọng giúp sinh viên học tốt môn này. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên cần tích cực tìm đọc những tài liệu, bài viết về chủ đề đối ngoại Việt Nam và QHQT bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Bên cạnh đó, việc thường xuyên xem và nghe các bản tin thời sự trên đài truyền hình Việt Nam, các trang tin tức tiếng Anh như BBC, CNN, VOA, các kênh truyền hình đối ngoại của Việt Nam (VTV4) và các nước trên thế giới, trang web của Bộ Ngoại giao Việt Nam...cũng là một phương pháp hữu ích. Những cách trên giúp sinh viên vừa có được vốn kiến thức rộng lớn về chính trị, ngoại giao, văn hóa và QHQT, vừa có cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với ngôn ngữ và văn phong chuyên ngành, từ đó dễ dàng áp dụng vào việc học Biên dịch.

5.3. Xây dựng bí quyết học từ chuyên ngành

Đối với vấn đề từ chuyên ngành QHQT, mỗi sinh viên cần xây dựng bí quyết riêng phù hợp với khả năng của bản thân để có thể ghi nhớ những từ, cụm từ và cấu trúc này. Ở đây người nghiên cứu xin được giới thiệu 2 phương pháp cho sinh viên tham khảo.

Cách thứ nhất là làm một quyển sổ tay, trong đó chuyên ghi các từ, cụm từ chuyên ngành QHQT mà sinh viên học được sau mỗi giờ lên lớp hay sau khi nghe hoặc xem một bản tin. Các cấu trúc câu, phép diễn đạt hữu ích cũng nên được ghi vào. Sinh viên có thể thường xuyên mang theo quyển sổ này bên mình để tranh thủ ôn lại từ trong giờ giải lao hoặc những khi rảnh rỗi.

Cách thứ hai là sử dụng thẻ nhớ (flashcards) – sử dụng những miếng giấy nhỏ, viết từ hoặc cụm từ chuyên ngành tiếng Anh vào một mặt và từ tiếng Việt tương đương vào mặt còn lại. Sinh viên có thể tự học hoặc kiểm tra lẫn nhau bằng cách đưa ra mặt tiếng Anh và tự mình đoán (hoặc bảo bạn đoán) từ tương đương trong tiếng Việt và ngược lại. Phương pháp này có ưu điểm giúp sinh viên tăng cường khả năng tư duy linh động bằng hai ngôn ngữ, nhưng có nhược điểm do đặc tính kích cỡ thẻ nhỏ nên chỉ phù hợp khi học từ và cụm từ ngắn.

Ngoài ra, sinh viên khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao sẽ bắt đầu học Biên dịch từ học kỳ 5 (học kỳ I năm thứ 3), vì vậy các bạn cần chú ý tích cực học tập ngay khi còn ở năm 1, năm 2, đặc biệt là với những môn là tiền đề hoặc hỗ trợ kiến thức cho môn Biên dịch như Tiếng Anh cơ sở, Tiếng Việt thực hành, Đất nước học Anh-Mỹ, Văn học Anh-Mỹ... Về phía các thầy, cô giáo, người nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường giảng dạy kiến thức về văn hóa, các điển tích, điển cố trong văn hóa Anh trong các bài giảng môn Biên dịch và TACN, bởi thành ngữ hay điển tích, điển cố này không chỉ được sử dụng bởi người bản ngữ mà còn được sử dụng bởi các nhà báo, nhà nghiên cứu đến từ bất kỳ quốc gia nào khác, miễn là họ đang viết bài bằng tiếng Anh bởi chúng có mối liên hệ chặt chẽ với ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, các hoạt động tìm hiểu, trao đổi kiến thức về văn hóa Anh-Mỹ cũng nên được tổ chức thường xuyên, thậm chí để thúc đẩy sinh viên tham gia các thầy cô có thể đưa chúng vào chương trình giảng dạy bắt buộc (VD, sinh viên phải tham gia các hoạt động trên để được tính điểm thành phần môn học...).

CHƯƠNG 6: KẾT LUẬN

Có thể nói, đối với sinh viên khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao, hệ thống môn Biên dịch với 3 cấp độ là môn học vô cùng quan trọng. Nó vừa cung cấp cho sinh viên một lượng lớn kiến thức về QHQT nói chung và đối ngoại VN nói riêng, lại vừa trang bị cho sinh viên khả năng tư duy linh động và truyền tải ý nghĩa thuần thực giữa hai ngôn ngữ Anh, Việt. Tuy nhiên có một thực trạng là không ít sinh viên gặp khó khăn với bộ môn này. Nhận thức được điều đó, người viết đã tiến hành nghiên cứu với mong muốn được làm rõ những khó khăn nào đang làm ảnh hưởng đến việc học Biên dịch của sinh viên, chúng xuất phát từ những nguyên nhân gì và có thể dùng giải pháp nào để giải quyết, giúp sinh viên học tốt hơn.

Sau khi tiến hành quá trình nghiên cứu, người viết đã tìm ra 4 loại khó khăn chính, đó là từ chuyên ngành QHQT, khác biệt trong cấu trúc ngôn ngữ, câu quá dài và yếu tố văn hóa, đồng thời lý giải chúng ở chương 4. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến những khó khăn này, và người viết cũng đã tổng hợp chúng lại thành 4 nguyên nhân chính: sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt cơ sở chưa nhuần nhuyễn, sự cản trở của tư duy tiếng Việt, sự hổng kiến thức trong các môn học liên quan đến Biên dịch và cuối cùng là thái độ học tập ở chính mỗi sinh viên với bộ môn.

Do bản chất Biên dịch là bộ môn mang tính học thuật và chuyên ngành cao, nên việc tìm ra một giải pháp học hoặc giảng dạy giúp sinh viên có hứng thú hơn thật sự là vấn đề nan giải. Vì lý do hạn chế về thời gian và công cụ nghiên cứu nên người viết chỉ có thể đề xuất các giải pháp như tăng cường tiếp xúc với ngôn ngữ QHQT thông qua việc thường xuyên đọc tài liệu, nghe và xem bản tin thời sự quốc tế, dùng sổ tay hoặc thẻ nhớ để học từ chuyên ngành...Ngoài ra, bản thân mỗi sinh viên cũng cần có ý thức và thái độ học tập tốt với bộ môn, sẵn sàng hợp tác với giảng viên mới có thể học tốt Biên dịch.

Cuối cùng, do đây là lần đầu người viết tiến hành nghiên cứu, còn nhiều hạn chế về thời gian, trình độ cũng như các công cụ, tài liệu nghiên cứu nên bài nghiên cứu không tránh khỏi còn nhiều sai sót, rất mong nhận được những lời nhận xét, góp ý từ quý Thầy Cô và các bạn để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn. Bản thân là một sinh viên năm cuối khoa tiếng Anh, Học viện Ngoại giao nên người viết hy vọng kết quả bài nghiên cứu này có thể giúp các sinh viên đang và sẽ học bộ môn Biên dịch dễ dàng vượt qua những khó khăn trên để có được kết quả tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2016. Phó Thủ tướng: Hoạt động ngoại giao hỗ trợ hội nhập kinh tế. Truy cập ngày 9 tháng 1, 2016, từ <http://www.mofa.gov.vn/vi/nr040807104143/nr040807105001/ns160104101923/view> ;

Báo Tin Tức, 2013. Truyền thông mới đòi hỏi nhà báo trẻ bản lĩnh. Truy cập ngày 11 tháng 1, 2016, từ <http://baotintuc.vn/bao-giaoy/truyen-thong-moi-doi-hoi-nha-bao-tre-ban-linh-20130620100822112.htm> ;

Học 360 & Zing TV, 2015. (Nhà sản xuất). (tháng 5, 2015). Biên Dịch Tiếng Anh Cơ Bản - Học Tiếng Anh Online. [Bài giảng online]. Truy cập ngày 10 tháng 1, 2016, từ https://www.youtube.com/playlist?list=PLdM2hMdvZmjYbzFaBQlxKBIx_V0i05Fl7 ;

Trung tâm Đào tạo từ xa - Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, n.d. Hướng dẫn học dịch viết. Truy cập ngày 10 tháng 1, 2016, từ <http://web.hanu.vn/dec/mod/forum/discuss.php?d=470> ;

Vũ Cao Đàm, 2010. Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Tài liệu tiếng Anh:

Clancy, C, Iwamura, K, Yoon, Y et al., 2011. The least that East Asians can do to cooperate. Retrieved January 9, 2016, from http://www.japantimes.co.jp/opinion/2011/05/05/commentary/world-commentary/the-least-that-east-asians-can-do-to-cooperate/#.VpQU7ZDBp_u ;

Chanda, N, 2001. Globalization: You Can't Stop Life. Retrieved January 8, 2016, from <http://yaleglobal.yale.edu/content/globalization-you-cant-stop-life> ;

Dictionary.com, n.d. Luddite: Define Luddite at dictionary.com. Retrieved January 6, 2016, from <http://dictionary.reference.com/browse/luddite> ;

English Grammar Online, n.d. Table of English Tenses. Retrieved January 10, 2016, from <https://www.ego4u.com/en/cram-up/grammar/tenses> ;

Hartmann, R.R.K. & F.C. Stork. 1972. Dictionary of language and linguistics. London: Applied Science. Retrieved January 6, 2016, from https://books.google.com.vn/books?id=jgnu_pJJCdcC&pg=PA89&dq=translation+is+the+replacement+of+a+representation+of+a+text+in+one+language+by+a+representation+of+an+equivalent+text+in+a+second+language&hl=vi&sa=X&ved=0ahUKEwiT6aau3aLKAhVJLpQKHQmyB54Q6AEIGjAA#v=onepage&q=translation%20is%20the%20replacement%20of%20a%20representation%20of%20a%20text%20in%20one%20language%20by%20a%20representation%20of%20an%20equivalent%20text%20in%20a%20second%20language&f=false ;

Nunan, D, 1992. Research Methods in Language Learning. Cambridgeshire: Cambridge University Press;

Oxford Dictionaries, n.d. Rogue state - definition of rogue state in English from the Oxford dictionary. Retrieved January 9, 2016, from <http://www.oxforddictionaries.com/definition/english/rogue-state> ;

Pöchhacker, F, 2004. Introducing Interpreting Studies. London: Routledge. Retrieved January 10, 2016, from https://books.google.com.vn/books?id=ZzSQ-9ea1BEC&pg=PA10&lpg=PA10&dq=the+source+language+text+can+be+reviewed+or+replayed+produced+under+less+time+pressure&source=bl&ots=5oy7mEYa59&sig=w6WZZBADp23Zkh-IR-BdkoHdjJs&hl=en&sa=X&redir_esc=y#v=onepage&q=the%20source%20language%20text%20can%20be%20reviewed%20or%20replayed%20produced%20under%20less%20time%20pressure&f=false ;

WisegEEK, n.d. What Is Meant by "Carrying Coals to Newcastle?". Retrieved January 7, 2016, from <http://www.wisegEEK.com/what-is-meant-by-carrying-coals-to-newcastle.htm> ;

Woollacott, M, 2000. Neither peace nor war, just endless suffering. Retrieved January 8, 2016, from <http://www.theguardian.com/world/2000/oct/13/comment.israelandthepalestinians> ;

Vocabulary.com, n.d. 250 words from the domain of diplomacy. Retrieved January 7, 2016, from <https://www.vocabulary.com/lists/183677#view=notes> .

PHỤ LỤC

Bảng điều tra dành cho sinh viên 2 lớp TA39A và TA39B : Khó khăn thường thấy khi học môn Biên dịch.

(*): Câu hỏi bắt buộc

1. Bạn tự đánh giá khả năng học Biên dịch của mình thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Bình thường
- ☐ Không tốt
- ☐ Kém

2. Điểm trung bình 3 môn Biên dịch của bạn là bao nhiêu?

- ☐ Dưới 5
- ☐ 5 - dưới 6
- ☐ 6 - dưới 7
- ☐ 7 - dưới 8
- ☐ Trên 8

3. Bạn cảm thấy dịch xuôi (Anh-Việt) hay dịch ngược (Việt-Anh) khó hơn?

- ☐ Dịch xuôi
- ☐ Dịch ngược
- ☐ Mức độ khó tương đương

4. Trong quá trình học, bạn thấy điều gì là khó khăn lớn nhất? *

- ☐ Từ chuyên ngành
- ☐ Từ ngữ, ngữ pháp tiếng Anh và tiếng Việt không tương xứng
- ☐ Yếu tố văn hóa
- ☐ Câu quá dài
- ☐ Other:

5. Bạn đã làm gì để cải thiện kết quả môn Biên dịch? *

- ☐ Đọc nhiều tài liệu chuyên ngành
- ☐ Note vào giáo trình
- ☐ Sổ tay ghi từ mới, cấu trúc mới
- ☐ Sơ đồ tư duy
- ☐ Đọc sách, xem chương trình văn hóa tăng kiến thức

Other:

6. Bạn đã học các môn này ở học kỳ thứ mấy (viết số kỳ theo thứ tự môn, riêng môn Tiếng Anh chuyên ngành có 4 cấp độ thì ghi học kỳ bắt đầu): *

Tiếng Việt thực hành, Đất nước học Anh-Mỹ, Văn học Anh-Mỹ, Tiếng Anh chuyên ngành

7. Dịch câu sau từ tiếng Anh sang tiếng Việt:

As China continues its unremitting rise, people throughout East Asia are wondering whether their states will ever be able to achieve the peaceful, stable relations that now characterize Europe.

.....

8. Dịch câu sau từ tiếng Việt sang tiếng Anh:

Trước tiên chúng ta phải tăng cường thúc đẩy quan hệ chính trị để tạo cơ sở, tiền đề để phát triển kinh tế, thương mại, tích cực thu hút đầu tư nước ngoài; tích cực vận động nguồn vốn ODA cho Việt Nam.

.....